

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các Đập dâng
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 20/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 04 Tiểu dự án tại các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận thuộc dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung”, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 67/TTr-BQL ngày 28/3/2017 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1043/SNN-QLXDCT ngày 28/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp các Đập dâng thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

2. Tên dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các Đập dâng.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung.

5. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sỹ Đỗ Cảnh Hào.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6.1 Mục tiêu tổng thể của dự án:

Khắc phục hậu quả thiên tai thông qua việc tái thiết các công trình hạ tầng ưu tiên thiệt hại nặng nề bởi bão lụt năm 2016 và tăng cường khả năng đề ứng phó hiệu quả đối với các vấn đề thiên tai trong tương lai. Cụ thể:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (đê, kè sông, đập dâng, kênh tưới tiêu,...) nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra.

- Khắc phục hư hỏng đối với các công trình hạ tầng giao thông để phục vụ việc đi lại của nhân dân, giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất.

6.2. Mục tiêu cụ thể của dự án thành phần:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 06 công trình đập dâng trên lưu vực sông Côn, sông La Tinh, sông Lại Giang nhằm phục hồi năng lực thiết kế và nâng cao an toàn cho công trình, thuận lợi trong việc quản lý vận hành, khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra; chống xói lở bờ sông, giữ ổn định lòng dẫn và tăng cường khả năng thoát lũ của sông.

- Kết hợp làm đường giao thông qua đập để phục vụ đời sống, sản xuất của nhân dân, bảo đảm công tác cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp khi mưa bão xảy ra làm chia cắt cô lập các khu vực vùng hạ lưu.

- Cải tạo môi trường sinh thái dọc tuyến sông.

7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 06 công trình đập dâng trên lưu vực sông sông Côn, sông La Tinh, sông Lại Giang, bao gồm các hạng mục:

- Sửa chữa, gia cố khắc phục xói lở hạ lưu và hai bên vai để bảo vệ an toàn, ổn định cho đập Lại Giang;

- Sửa chữa, gia cố khắc phục xói lở hạ lưu và hai bên vai bảo vệ an toàn, ổn định cho đập Cây Gai; sửa chữa, gia cố kênh dẫn và đường dẫn hai bên vai đập do xói lở sau lũ; sửa chữa nhà quản lý đập;

- Xây dựng mới đập Bờ Cản thay thế đập bồi để dâng nước tưới tự chảy cho 80 ha đất canh tác nông nghiệp thuộc xã Cát Minh, huyện Phù Cát và xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ;

- Xây dựng mới đập dâng Nha Phu thay thế đập cũ đã xuống cấp, kết hợp gia cố chống xói lở 2 bờ thượng và hạ lưu đập nhằm đảm bảo phục vụ tưới, tiêu và tăng cường khả năng tiêu thoát lũ cho công trình;

- Sửa chữa, nâng cấp đập Bình Thạnh đã xuống cấp nhằm phục hồi năng lực thiết kế để điều tiết phục vụ tưới tiêu, tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, cải tạo hệ thống vận hành, đồng thời kết hợp giao thông nông thôn;

- Sửa chữa, gia cố khắc phục xói lở hạ lưu đập, hai vai đập để đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình và cải thiện hệ thống vận hành đóng mở cửa đập dâng Thạnh Hòa I;

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Hoài Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

9. Diện tích sử dụng đất: Diện tích chiếm đất 8,94ha, trong đó diện tích chiếm đất vĩnh viễn 7,22ha, diện tích chiếm đất tạm thời 1,72ha.

10. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

12. Phương án thiết kế cơ sở:

12.1. Sửa chữa, gia cố xói lở hạ lưu và hai vai đập lại Giang:

Các thông số kỹ thuật theo phương án thiết kế cơ sở:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông số phần hiện trạng (giữ nguyên)		
1	Cấp công trình		IV
2	Cao trình ngưỡng đập	m	7.50
3	Cao trình đáy bể tiêu năng	m	3.20
4	Cao trình đáy sân sau	m	3.30
5	Số khoang xả	khoang	7
6	Bề rộng mỗi khoang tràn	m	19,70
7	Chiều dài 2 bể tiêu năng	m	21,90
8	Chiều rộng bể tiêu năng	m	157,00
9	Chiều sâu bể tiêu năng	m	1,00
II	Thông số phần sửa chữa, gia cố		
II.1	Phần đập dâng		
1	Chiều dài gia cố sân sau	m	60,00
2	Cao trình sân	m	3.30-:-1.00
3	Bề rộng đáy suối	m	160

Uk

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
4	Hình thức sửa chữa, gia cố		Kéo dài sân sau tiêu năng, mặt sân gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn M200 kích thước (1,5x1,5x0,6)m bên dưới lót vải địa kỹ thuật, cuối đoạn gia cố đóng hàng cọc cừ Lasren dài L=9m kết hợp hai hàng rọ đá chống xói (1x2x0,5)m
II.2	Gia cố mái thượng hạ lưu đập		
1	Chiều dài tuyến tả	m	51,00
2	Cao trình đỉnh kè tả	m	10.00-:9.50
3	Chiều dài tuyến hữu	m	121,00
4	Cao trình đỉnh kè hữu	m	10.46
5	Hệ số mái kè		m=1,50
6	Kết cấu mái		Đá xây hồ M100

12.2. Sửa chữa, gia cố xói lở hạ lưu và hai vai đập Cây Gai:

Các thông số kỹ thuật theo phương án thiết kế cơ sở:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông số phần hiện trạng (giữ nguyên)		
1	Cao trình ngưỡng đập	m	22.48
2	Cao trình đáy bể tiêu năng	m	21.97
3	Cao trình đáy sân sau	m	22.38
4	Số khoang xả	khoang	10
5	Bề rộng mỗi khoang tràn	m	4,80-:5,00
6	Chiều dài 2 bể tiêu năng	m	9,00
7	Chiều rộng bể tiêu năng	m	50,00-:79,00
8	Chiều sâu bể tiêu năng	m	1,00
II	Thông số phần sửa chữa, gia cố		
II.1	Phần đập dâng		
1	Chiều dài gia cố sân sau	m	51,00
2	Bề rộng gia cố	m	45,00
3	Cao trình sân sau gia cố	m	22.40-:20.30
4	Hình thức sửa chữa, gia cố		Kéo dài sân sau tiêu năng, mặt sân gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn M200 kích thước (1,5x1,5x0,6)m bên dưới lót vải địa kỹ thuật, cuối đoạn gia cố đóng hàng cọc cừ Lasren dài L=6m kết


4

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
		hợp hai hàng rọ đá chống xói (1x2x0,5)m	
II.2	Gia cố mái thượng hạ lưu đập		
1	Chiều dài tuyến bờ tả	m	215,00
2	Chiều dài tuyến bờ hữu	m	214,00
3	Cao trình đỉnh kè	m	24.20
4	Hệ số mái kè		m=2,0
5	Kết cấu mái kè	Đá lát trong khung giằng BTCT M200, đệm đá dăm 2x4, lót vải địa kỹ thuật	
II.3	Kênh dẫn hai đầu đập		
1	Chiều dài tuyến	m	253,00
2	Bề rộng kênh	m	1,70
3	Chiều cao kênh	m	1,40
4	Độ dốc kênh		i=0,0005
5	Kết cấu kênh	Kết cấu BT đá 2x4 M200 dày 25cm, đáy tấm đan BTCT dày 10cm	
II.3	Đường dẫn hai đầu đập		
1	Chiều dài tuyến	m	253,00
2	Cao trình đỉnh đường	m	25.00-:- 29.53
3	Bề rộng đường	m	5,00
4	Kết cấu mặt đường	Kết cấu BT đá 2x4 M250 dày 18cm, mái đường gia cố BT đá 1x2 M200 dày 12cm	

12.3. Xây dựng Đập Bờ Cản:

Các thông số kỹ thuật theo phương án thiết kế cơ sở:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông số chung		
1	Diện tích lưu vực	km ²	4,50
2	Q lũ tiêu mẫn tần suất P=10%	m ³ /s	18,13
3	Cấp công trình		IV
II	Đập dâng		
1	Cao trình dâng nước	m	+2.00
2	Cao trình mặt đập	m	+2.30
3	Cao trình đáy sân trước	m	-0.25
4	Cao trình ngưỡng đập	m	-0.25
5	Cao trình đáy bể tiêu năng	m	-1.90
6	Cao trình đáy sân sau	m	-1.20

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
7	Cao trình đỉnh cầu giao thông	m	+2.30
8	Cao trình đỉnh cầu công tác	m	+6.30
9	Số khoang xả	khoang	04 khoang xả sâu và 01 khoang tràn tự do
10	Bề rộng mỗi khoang tràn	m	2,00
11	Chiều dài gia cố sân trước	m	5,00
12	Chiều dài ngưỡng đập	m	6,00
13	Chiều dài bể tiêu năng	m	10,00
14	Chiều rộng bể tiêu năng	m	12,00÷14,50
15	Chiều sâu bể tiêu năng	m	0,70
16	Chiều rộng cầu công tác	m	2,00
17	Chiều dài gia cố sân sau	m	25,00
18	Chiều dài gia cố mái thượng lưu	m	500,00
19	Chiều dài gia cố mái hạ lưu	m	120,00
21	Kết cấu đập	BT và BTCT M200, đế móng gia cố 1 hàng cọc cừ Lasren chống thấm	
22	Kết cấu gia cố mái	BT M200 và đá lát khan trong khung giằng BTCT	
23	Kết cấu giàn đóng mở		BTCT M200
24	Kết cấu cửa van		Bằng thép
25	Cơ cấu vận hành		Máy đóng mở V10
III	Kênh tiếp nước từ kênh SK1 đến đập bờ cản		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,10
2	Chiều dài kiên cố	m	611,60
3	Kích thước kênh (b x h)		(0,5 x 0,75)m
4	Kết cấu kênh	Kênh chữ nhật, BT M200, dày 12cm	
IV	Đường thi công kết hợp quản lý		
1	Chiều dài	m	360,00
2	Bề rộng mặt đường	m	5,00
3	Kết cấu nền đường		Đắp đất K = 0,95
4	Kết cấu mặt đường	Bê tông M250, rộng 3m, dày 18cm	

12.4. Xây dựng mới đập dâng Nha Phu, gia cố xói lở 2 bờ thượng hạ lưu và tràn bên:

Handwritten signature

Các thông số kỹ thuật theo phương án thiết kế cơ sở:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông tin chung		
1	Diện tích tưới thiết kế	ha	350,00
II	Thủy văn		
1	Mực nước lũ chính vụ tần suất kiểm tra P=1%	m	4.44
2	Mực nước lũ chính vụ tần suất thiết kế P=2%	m	4.29
3	Mực nước lũ chính vụ tần suất P=5%	m	4.07
4	Mực nước lũ chính vụ tần suất P=10%	m	3.35
5	Mực nước lũ tiểu mãn tần suất P=5%	m	2.82
6	Mực nước lũ tiểu mãn tần suất P=10%	m	2.74
7	Mực nước triều tần suất P=5%	m	1.07
III	Đập dâng		
1	Vị trí tuyến	Tuyến lòng sông, cách đập cũ 38m về phía thượng lưu	
2	Hình thức	Đập có cửa điều tiết kết hợp tràn tự do	
3	Kết cấu đập		BTCT
4	Cao độ mực nước thiết kế trước đập (MNDBT)	m	+2.60
5	Cao độ ngưỡng đập và sân trước	m	±0.00
6	Cao độ đáy bể tiêu năng	m	-1.00
7	Cao độ sân sau	m	±0.00
8	Cao độ đỉnh đập	m	+4.30
9	Cao độ sàn lắp máy đóng mở	m	+10.10
10	Số cửa xả sâu	cửa	04
11	Bề rộng một cửa	m	7,00
12	Kết cấu cửa van	Cửa phẳng, thép không gỉ	
13	Thiết bị đóng mở	Máy vítme 30VD2 chạy điện + quay tay	
14	Số khoang tràn tự do	khoang	02
15	Cao trình đỉnh khoang tràn tự do		+2.60
16	Bề rộng một khoang tràn tự do	m	4,00
17	Tổng bề rộng thoát nước qua đập	m	36,00
18	Gia cố nền đập		Cọc BTCT
19	Gia cố nền sân trước, bể tiêu năng, sân sau		Cọc tre
20	Chống thấm qua nền đập		Cừ larsen dài 6m

7 *thc*

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
21	Bề rộng ngang đập (kể cả trụ pin)	m	43,80
22	Chiều dài sân trước	m	20,00
23	Chiều dài ngưỡng đập	m	10,00
24	Chiều dài bể tiêu năng	m	14,00
25	Chiều dài gia cố sân sau	m	30,00
26	Hình thức tiêu năng	Tiêu năng đáy, bể tường kết hợp	
27	Chiều sâu bể tiêu năng	m	0,80
28	Chiều cao tường tiêu năng	m	0,50
29	Bề rộng cầu giao thông trên mặt đập	m	4,0
30	Tải trọng qua cầu		H10
31	Kết cấu cầu		Cầu dầm BTCT
IV	Hệ thống điện		
1	Đường dây điện 22kV	m	450,00
2	Trạm biến áp 50KVA	trạm	1,00
V	Nhà quản lý vận hành và chứa phai		
1	Cấp công trình	Cấp IV, kết cấu khung BTCT	
2	Diện tích xây dựng nhà quản lý	m ²	77,90
3	Diện tích xây dựng nhà chứa phai	m ²	34,50
VI	Gia cố kè thượng hạ lưu		
1	Chiều dài đê	m	971
2	Cao trình đỉnh đê	m	+4.30 đến +4.00
3	Kết cấu thân đê		Đắp đất đôi
4	Kết cấu mái đê phía sông	Bê tông tấm lát trong khung giằng BTCT	
5	Kết cấu mái đê phía đồng	Trồng cỏ	
6	Kết cấu chân đê	Dầm chân BTCT, kích thước (25x50)cm, kết hợp đá hộc đỡ rồi	
7	Kết cấu mặt đê		BT M250
8	Số công trình trên đê	cái	04
VII	Đường quản lý vận hành		
1	Chiều dài tuyến đường	m	450,00
2	Kết cấu mặt đường	m	BT M250
3	Tổng bề rộng mặt đường	m	5,00
4	Bề rộng phần bê tông mặt đường	m	4,00
5	Chiều dày bê tông mặt đường	cm	20,00

12.5. Sửa chữa nâng cấp đập Bình Thạnh:

Các thông số kỹ thuật theo phương án thiết kế cơ sở:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông tin chung		
1	Diện tích tưới thiết kế	ha	Dâng nước phục vụ tưới cho 2.918ha và bổ sung tạo nguồn cấp nước về hạ lưu
II	Thủy văn		
1	Mức nước lũ chính vụ tần suất kiểm tra P=1%	m	16.30
2	Mức nước lũ chính vụ tần suất thiết kế P=2%	m	15.80
3	Mức nước lũ chính vụ tần suất P=5%	m	15.63
4	Mức nước lũ chính vụ tần suất P=10%	m	15.36
5	Mức nước lũ tiểu mãn tần suất P=5%	m	11.37
6	Mức nước lũ tiểu mãn tần suất P=10%	m	11.29
III	Đập dâng		
1	Vị trí tuyến		Tại vị trí đập cũ
2	Hình thức		Đập có cửa điều tiết
3	Kết cấu đập		Bê tông và BTCT
4	Cao độ mực nước thiết kế trước đập (MNDBT)	m	+11.60
5	Cao độ ngưỡng đập và sân trước	m	+9.80
6	Cao độ đáy bể tiêu năng	m	+9.30
7	Cao độ sân sau	m	+9.80
8	Cao độ đỉnh trụ pin	m	+11.80
9	Cao độ sàn lắp máy đóng mở	m	+18.30
10	Số cửa xả sâu	cửa	08
11	Bề rộng một cửa	m	4,20
12	Kết cấu cửa van		Cửa phẳng, thép
13	Thiết bị đóng mở	Máy vítme 10VĐ2 chạy điện + quay tay	
17	Gia cố nền đập phần làm mới		Cọc BTCT
19	Chống thấm qua nền đập		Cừ larsen dài 6m
20	Bề rộng ngang đập (kể cả trụ pin)	m	86,00
22	Chiều dài ngưỡng đập (làm mới)	m	6,00
22	Chiều dài ngưỡng đập (hiện trạng)	m	Giữ nguyên hiện trạng

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
23	Chiều dài bể tiêu năng, phá bỏ làm lại mới	m	4,40
24	Chiều dài gia cố sân sau	m	30,00
25	Hình thức tiêu năng		tiêu năng bể
26	Chiều sâu bể tiêu năng	m	0,50
28	Bề rộng cầu giao thông trên mặt đập	m	3,4
29	Tải trọng qua cầu		H10
30	Kết cấu cầu		Cầu dầm BTCT
IV	Hệ thống điện		
1	Đường dây điện 22kV	m	450,0
2	Trạm biến áp 50KVA	trạm	1,00
V	Nhà quản lý vận hành và chứa phai		
1	Vị trí	Đầu đập, phía bờ hữu	
2	Cấp công trình		Cấp IV
3	Diện tích xây dựng nhà quản lý	m ²	77,90
4	Diện tích xây dựng nhà chứa phai	m ²	34,50
VI	Trạm bơm		
1	Vị trí	Đầu đập, phía bờ tả	
2	Cấp công trình		Cấp IV
3	Diện tích xây dựng nhà trạm bơm	m ²	43,68

12.6. Sửa chữa, gia cố xói lở hạ lưu, hai vai đập và tăng khả năng thoát lũ đập dâng Thanh Hòa I:

Các thông số kỹ thuật theo phương án thiết kế cơ sở:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông số phần hiện trạng (giữ nguyên)		
1	Diện tích tưới thiết kế	ha	4.204,00
2	Cao trình mặt đập	m	7.80
3	Cao trình đáy sân trước	m	4.00
4	Cao trình ngưỡng đập	m	4.00
5	Cao trình đáy bể tiêu năng	m	3.40
6	Cao trình đáy sân sau	m	4.00
9	Số khoang xả	khoang	7
10	Bề rộng mỗi khoang tràn	m	14,20
11	Chiều dài gia sân trước	m	9,50
12	Chiều dài ngưỡng đập	m	1,50
13	Chiều dài bể tiêu năng	m	7,50
14	Chiều rộng bể tiêu năng	m	99,40
15	Chiều sâu bể tiêu năng	m	0,60
16	Chiều rộng cầu công tác	m	1,30
II	Thông số phần sửa chữa, gia cố		
1	Chiều dài gia cố sân sau	m	54,80

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
2	Bề rộng sân gia cố	m	104,00-:-120,00
3	Cao trình sân sau	m	4,00-:-2,50
4	Hình thức gia cố, sửa chữa sân sau	Kéo dài sân sau tiêu năng, mặt sân gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn M200 kích thước (1,5x1,5x0,6)m bên dưới lót vải địa kỹ thuật, cuối đoạn gia cố đóng hàng cọc cừ Lasren dài L=6m kết hợp hai hàng rọ đá chống xói (1x2x0,5)m	
5	Sửa chữa cửa phai	Thay cửa phai bằng thép, kích thước (2,5x2,3)m chia thành 02 tấm phai	
6	Sửa chữa hèm phai	Mở rộng hèm phai, gia cố bằng thép tấm, thép hình liên kết với thép $\phi 16$ khoan neo trong bê tông đã có	
7	Cơ cấu vận hành cửa phai	Lắp đặt cần trục 2T vận hành bằng pa lăng xích đặt trên hệ thanh ray để tháo mở ván phai.	
II.2	Gia cố bờ hữu		
1	Chiều dài tuyến	m	270,00
2	Cao trình đỉnh kè	m	+7.80
3	Cao trình chân kè	m	+3.00
4	Hệ số mái kè		m=2,0
5	Bề rộng mặt kè	m	3,00
6	Kết cấu mái phía sông	Đá lát trong khung giằng BTCT M200, đệm đá dăm 2x4 lót vải địa kỹ thuật	
7	Kết cấu mái phía đồng		Trồng cỏ

24

13. Phương án giải phóng mặt bằng:

- Phạm vi ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến diện tích đất đai, cây cối, hoa màu và vật kiến trúc của nhân dân các huyện Hoài Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước và thị xã An Nhơn.

- Cơ chế chính sách: Phương án giải phóng mặt bằng của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành Nhà nước.

- Phương thức thực hiện: UBND các huyện Hoài Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước và thị xã An Nhơn thành lập Hội đồng bồi thường để giải phóng mặt bằng trong phạm vi thi công xây dựng công trình của từng địa phương.

14. Tổng mức đầu tư: 188.718.006.000 đồng

(Một trăm tám mươi tám tỷ, bảy trăm mười tám triệu, không trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Trong đó:

T T	Khoản mục chi phí	Tổng kinh phí (đồng)	Phân theo nguồn vốn	
			Vốn vay IDA (đồng)	Đối ứng (đồng)
1	Chi phí xây dựng	146.103.752.000	146.103.752.000	
2	Chi phí thiết bị	2.479.491.000	2.479.491.000	
3	Chi phí quản lý dự án	2.401.646.000		2.401.646.000
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	8.941.518.000	2.104.165.000	6.837.353.000
5	Chi phí khác	9.030.312.000	5.868.946.000	3.161.366.000
6	Chi phí bồi thường, GPMB	2.605.105.000		2.605.105.000
7	Chi phí dự phòng	17.156.182.000	15.655.635.000	1.500.547.000
	Tổng cộng	188.718.006.000	172.211.989.000	16.506.017.000

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay của ngân hàng Thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện: 04 năm (2017 – 2020).

18. Phương thức thực hiện dự án: Theo quy định của ngân hàng Thế giới, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định của ngân hàng Thế giới (WB).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước và Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K1, K10, K19 (14b)



Trần Châu